

Bản án số: **102** /2022/HNGĐ-ST.  
Ngày 10 / 6 /2022  
Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đào Thị Thu Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Lý Thúy Hà**

2. Bà **Lý Thị Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 18, xã L, thành phố T, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Đăng H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 18, xã L, thành phố T, tỉnh T.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị **Bùi Thị T** và anh **Trần Đăng H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/8/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Vượng, huyện Yên Sơn (nay là UBND xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn 18, xã L, thành phố T. Theo chị T thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh H thường xuyên có mối quan hệ bên ngoài (ngoại tình) mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo và tha thứ nhưng vẫn chứng nào tật ấy, vợ chồng thường xuyên xô xát, nói nhau về nguyên nhân này. Nay chị **Bùi Thị T** xác định cuộc hôn nhân của chị và anh H không còn ý nghĩa gì, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Đăng H**.

Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H có 03 con chung là Trần Tú A, sinh ngày 23/10/1995; Trần Thị Ánh N, sinh ngày 16/9/2001 và Trần Hà M, sinh ngày 16/6/2011. Hiện 02 con là Trần Tú A và Trần Thị Ánh N đã trên 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống riêng tự lập nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ Trần Hà M sau ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bùi Thị T xác định chị và anh Trần Đăng H tự thỏa thuận về tài sản chung và không có vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần báo gọi làm việc, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do.

*\* Kết quả xác minh với con đã thành niên của chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H thể hiện:* Mẹ Bùi Thị T và bố Trần Đăng H kết hôn và sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu mâu thuẫn do bố thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà và cũng ít về nhà, không quan tâm đến gia đình, đồng thời nghe nói bố có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó tình cảm giữa bố mẹ không còn, thường xảy ra xích mích, không có quan điểm và tiếng nói chung. Việc bố mẹ ly hôn là do bố mẹ tự quyết định, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, con cái không có ý kiến gì.

*\* Kết quả xác minh với chính quyền cơ sở thể hiện:* Chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H có đăng ký kết hôn và có hộ khẩu thường trú tại thôn 18, xã L, thành phố T. Việc anh chị có mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân hay không thì cơ sở không nắm được do không có yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Anh chị T - H có 03 con chung, trong đó có 02 con đã trên 18 tuổi còn 01 con chưa thành niên; tài sản chung có nhà đất tại thôn 18, xã L, thành phố T; không có vay nợ các tổ chức của thôn còn có vay nợ của các tổ chức, cá nhân khác hay không thì cơ sở không nắm được.

Do anh Trần Đăng H không có mặt tại các buổi làm việc theo các giấy báo và thông báo của Tòa án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trần Đăng H và xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hà M, sinh ngày 16/6/2011, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; không đề nghị giải quyết đối với 02 con đã thành niên là Trần Tú A, sinh ngày 23/10/1995 và Trần Thị Ánh N, sinh ngày 16/9/2001. Ngoài ra chị T không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Anh Trần Đăng H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng

phía bị đơn chấp hành chưa nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H có đăng ký kết hôn ngày 22/8/1995 tại UBND xã Lương Vượng, huyện Yên Sơn (nay là UBND xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh H không có mặt tại các buổi làm việc do Tòa án tiến hành. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hà M, sinh ngày 16/6/2011; không xem xét đối với 02 con là Trần Tú A, sinh ngày 23/10/1995 và Trần Thị Ánh N, sinh ngày 16/9/2001 do hiện đã thành niên và chị T không yêu cầu. Chị T xác định tự thỏa thuận với anh H về tài sản chung và không có vay nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Chị Bùi Thị T phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (tổng đạt trực tiếp, gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết theo quy định pháp luật) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên toà, chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Đăng H vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật ngày 22/8/1995 tại UBND xã Lương Vượng, huyện Yên Sơn (nay là UBND xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống tình cảm vợ chồng nhưng không hoà giải được, hiện đã sống ly thân và tình cảm không còn. Chị Bùi Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Đăng H. Quá trình Tòa án giải quyết, anh H không có văn bản ý kiến hoặc bản tự khai và cũng không có mặt tại các phiên họp và phiên hoà giải do Tòa án tiến hành.

Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm khó hàn gắn và không có khả năng tiếp tục chung sống. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Đăng H.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H có 03 con chung là Trần Tú A, sinh ngày 23/10/1995; Trần Thị Ánh N, sinh ngày 16/9/2001 và Trần Hà M, sinh ngày 16/6/2011. Hiện 02 con là Trần Tú A và Trần Thị Ánh N đã trên 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống riêng tự lập, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết; chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ Trần Hà M sau ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng

nuôi con chung cùng chị. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét nguyện vọng và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy giao con Trần Hà M, sinh ngày 16/6/2011 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do hiện tại chị T không có yêu cầu về việc cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Trần Đăng H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: Chị Bùi Thị T xác định chị và anh H sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung và không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trần Đăng H không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 166, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:**

Xử: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trần Đăng H.

**2. Về con chung:**

Xử: Giao con chung là Trần Hà M, sinh ngày 16/6/2011 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Trần Đăng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị T không yêu cầu). Anh Trần Đăng H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:**

Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000214 ngày 15/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Trần Đăng H không phải nộp án phí.

Chị Bùi Thị T và anh Trần Đăng H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã Lương Vượng, Tp Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Thu Thủy**